

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST
Ngày : 28-7-2022
V/V “Ly hôn giữa bà H và ông T,
nuôi con chung”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé.

Ông Đinh Ngọc Đình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 98/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HN ngày 17 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H. Địa chỉ: tổ A, ấp Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Hồng T. Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01-4-2022, ngày 14-4-2022 và trong quá trình xét xử, và tại biên bản hòa giải ngày 06/6/2022 bà Trần Thị H là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Ngô Hồng T chung sống với nhau từ năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Mỹ. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã nhau. Bà và ông T không sống chung với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Võ Phú T. Hiện con chung đang sống với bà, bà yêu cầu nuôi con chung, đến khi con chung 18 tuổi, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 20 chỉ vàng 24K; 01 chiếc xe mô tô hiệu Exciter biển số 62K1-198.43, do ông Ngô Thành C đứng tên GCN đăng ký xe; 01 sợi dây chuyền trọng lượng 1,5 chỉ 18K; 01 chiếc lắc trọng lượng 1,2 chỉ vàng 18K; sổ tiết kiệm là 150.000.000 đồng do ông Thái đứng tên, rút 50.000.000 đồng cho bà Võ Thị Kim H, cùng địa chỉ với bà H mượn, bà H đã trả cho bà H 50.000.000 đồng vào năm 2020; 01 chiếc xe mô tô hiệu W- apha không nhớ biển số; 200 chỉ bạc, do ông Thái quản lý, sử dụng. Bà trình bày số tài sản chung như thế nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Ngô Hồng T là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của bà H về điều kiện kết hôn là đúng và mâu thuẫn vợ chồng là đúng một phần, nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Võ Phú T. Hiện con chung đang sống với bà H, ông yêu cầu nuôi con chung, đến khi con chung 18 tuổi, ông không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông có cho bà Võ Thị Kim H là mẹ vợ ông mượn 50.000.000 đồng vào năm 2018, số tiền này ông mượn từ ông Ngô Hữu T, hiện nay ông T yêu cầu ông trả lại số tiền trên. Ông yêu cầu bà H trả lại ông, để ông trả cho ông T.

Về nợ chung: Cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Ông xác định tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bà H yêu cầu ly hôn với ông T được quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Bà H có đơn xin vắng mặt, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông T có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà H và ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà H yêu cầu ly hôn với ông T, ông T cũng đồng ý ly hôn nên theo quy định tại các điều 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Võ Phú T. Ông T và bà H đều có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu bên còn lại cấp

đưỡng. Xét thấy, bà H đang nuôi con chung từ khi mới sinh cho đến nay cũng đã ổn định về mọi mặt, để giữ ổn định về mọi mặt cũng như điều kiện chăm sóc con chung nên cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con của bà H, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung:

Bà H cho rằng có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T cho rằng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, bà H không nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn và đóng án phí theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào các bên tranh chấp có sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Các bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 09, 19, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị H ly hôn với ông Ngô Hồng Ti.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Võ Phú T cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (hiện do bà H nuôi dưỡng), ông T không phải cấp dưỡng con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Không ai được lợi dụng việc thăm nom con hoặc việc trực tiếp nuôi con để cản trở việc nuôi con hoặc việc thăm nom con, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên còn lại. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí:

Bà H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0007854 ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt

khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự.
- UBND xã Thuận Mỹ.
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí